

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 282/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (tại Tờ trình số 1460/TTr-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2006) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Văn bản số 7895/BKH-TĐ&GSĐT ngày 26 tháng 10 năm 2006) về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước;
- b) Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường;
- c) Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học;
- d) Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các thế mạnh và lợi thế so sánh của Tỉnh; huy động tối đa các nguồn lực (cả nội lực và ngoại lực), nhất là nguồn vốn đầu

tư và khoa học - công nghệ;

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc biên giới, chủ quyền quốc gia;

e) Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực; mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với bên ngoài để phát triển.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế với nhịp độ tăng trưởng nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn so với giai đoạn trước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế. Ưu tiên phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất, quản lý... để tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào ở vùng biên giới. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh quốc gia. Phấn đấu đến năm 2020, Cao Bằng đạt trình độ phát triển ở mức khá so với các tỉnh trong Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và có mức thu nhập bình quân/người bằng với mức thu nhập bình quân/người chung của cả nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân 15%/năm thời kỳ 2006 - 2010; 13%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 10%/năm thời kỳ 2016 - 2020;
- GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt trên 600 USD và năm 2020 đạt 1.600 USD;
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp - xây dựng (đến năm 2010: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 25,9%, công nghiệp - xây dựng chiếm 28,4%, dịch vụ chiếm 45,7%; đến năm 2015: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm

32,1%, dịch vụ chiếm 48,8%; đến năm 2020: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 15%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35,8%, dịch vụ chiếm 49,2%);

- Phần đầu đến năm 2008 hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đến năm 2020 đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học phổ thông; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 26% (trong đó, đào tạo nghề đạt 19%) vào năm 2010 và đạt 38% (trong đó, đào tạo nghề đạt 31%) vào năm 2020; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 1,0 - 1,4 vạn lao động;

- Phần đầu đến năm 2010 đạt 9 bác sỹ và 25 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2020 đạt 12 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân, 30% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ tăng dân số ở mức 1,0%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 còn 29,5% và đến năm 2020 xuống dưới 10%; tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4% vào năm 2010; đến năm 2010: 95% dân số đô thị và 85% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình đạt 90%; đến năm 2020: 100% dân số đô thị và 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình đạt 100%;

- Xây dựng và củng cố vững chắc khu vực phòng thủ trên địa bàn Tỉnh; hoàn thành cơ bản việc bố trí, sắp xếp và ổn định dân cư các xã biên giới;

- Nâng độ che phủ của rừng đạt 52% vào năm 2010, đạt 60% vào năm 2020; giải quyết tốt vấn đề vệ sinh môi trường đô thị, cửa khẩu, khu công nghiệp, khu vực khai thác quặng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Định hướng phát triển ngành và lĩnh vực

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển nông nghiệp hàng hoá trên cơ sở xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến đối với các mặt hàng nông sản chủ lực. Lựa chọn những cây trồng thích hợp với địa hình vùng cao, có giá trị kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, chú trọng vùng nghèo, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người; chuyển đổi mạnh cơ cấu giữa trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ theo hướng nâng cao

giá trị, tích cực ứng dụng công nghệ thích hợp nhằm tạo ra giá trị hàng hoá lớn trên một đơn vị diện tích và bảo đảm phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững;

- Nhịp độ phát triển giai đoạn 2006 - 2010 đạt 5,5%/năm, giai đoạn 2011 - 2020 đạt 4,9%/năm;

- Sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, đưa những giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất, trọng tâm là phát triển lúa nước và ngô lai; chú trọng phát triển những cây trồng thích hợp với điều kiện của Tỉnh, tạo sản phẩm hàng hoá chủ lực theo hướng thâm canh tăng năng suất như: mía, đậu tương, thuốc lá; xây dựng vành đai thực phẩm, các loại rau, đậu theo hướng sạch cho thị xã, khu công nghiệp; tập trung phát triển các loại cây ăn quả như: lê, mận, bưởi, cam, quýt, hồng không hạt trên cơ sở giống mới và gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Phát triển chăn nuôi hàng hoá có giá trị kinh tế cao trên cơ sở tận dụng ưu thế của tỉnh miền núi; tập trung phát triển đàn bò lấy thịt theo hướng bán công nghiệp; phát triển chăn nuôi trâu, dê, chăn nuôi lợn hướng nạc, gia cầm theo quy mô trang trại, hộ gia đình; tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp, đến năm 2010 chiếm 40,8% và đến năm 2020 chiếm 46,3%;

- Xây dựng hệ thống rừng đặc dụng, hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn; kết hợp trồng mới và khoanh nuôi tái sinh, phát triển hệ thống rừng sản xuất gồm rừng nguyên liệu giấy và gỗ công nghiệp, hồi thảo quả, chè đắng; đưa độ che phủ của rừng đạt 52% vào năm 2010 và đạt trên 60% vào năm 2020;

- Khai thác diện tích mặt nước hiện có, xây dựng thêm các hồ thủy lợi kết hợp nuôi trồng thủy sản tập trung với mục đích sản xuất hàng hoá; xây dựng cơ sở ương cá giống phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và các tỉnh lân cận.

b) Công nghiệp - xây dựng

- Tạo sự tăng trưởng đột phá; đến năm 2010 đạt 26% và đến năm 2020 đạt 14,6%; trung bình cả giai đoạn đạt 17%/năm;

- Khai thác và chế biến khoáng sản: bảo đảm không tàn phá và gây ô nhiễm môi trường; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các loại khoáng sản; khuyến khích đầu tư

khai thác gắn với chế biến sâu quặng sắt, man gan, thiếc, bô xít; tổ chức quản lý khai thác, thu gom các mỏ nhỏ trên địa bàn Tỉnh;

- Phát triển thủy điện: khảo sát, quy hoạch và đẩy mạnh khai thác tiềm năng thủy điện trên các sông, suối thuộc địa bàn Tỉnh; có cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng: bảo đảm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên địa bàn Tỉnh; đổi mới công nghệ, nâng cao sản lượng và chất lượng xi măng của Tỉnh; tổ chức tốt việc khai thác vật liệu sẵn có như đá cho xây dựng và nguyên liệu để sản xuất xi măng; phát triển sản xuất gạch, ngói, cát, sỏi... tại địa phương;

- Xây dựng khu công nghiệp Đề Thám, từng bước hình thành khu công nghiệp Chu Trinh, Phục Hoà; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài để phát triển công nghiệp; phát triển các cụm công nghiệp vệ tinh, công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp đối với ngành nghề cơ khí nhỏ, công cụ cầm tay, chế biến nông, lâm sản phục vụ nông nghiệp và nông thôn;

- Bảo tồn và phát triển ngành nghề thủ công, khôi phục các làng nghề truyền thống sản xuất hàng tiêu dùng, phục vụ phát triển du lịch, xuất khẩu, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp và nông thôn.

c) Thương mại - dịch vụ

- Tăng cường đầu tư hạ tầng thương mại trên địa bàn thị xã, thành phố trong tương lai, các khu kinh tế cửa khẩu; trong đó, ưu tiên cửa khẩu Tà Lùng và các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, thu hút đầu tư, thúc đẩy lưu thông hàng hoá giữa Cao Bằng với cả nước và thị trường Trung Quốc;

- Xây dựng các chợ trung tâm cụm xã, thị trấn, thị tứ, các trạm thu mua nông sản, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân nông thôn, vùng cao giao lưu, trao đổi, kích thích phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu hàng hoá thiết yếu, bình ổn giá cả thị trường;

- Quy hoạch sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tạo sự ổn định thị trường và hàng hoá xuất khẩu, có khả năng cạnh tranh, thâm nhập vào một số thị trường mới;